

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **310/2019/HNGĐ_ST**

Ngày: 22/11/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2247/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Mai Thị Bích H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: 80/7B, KP5A, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Giang B**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 80/7B, KP5A, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị Bích H trình bày: Năm 2010, chị cùng anh Phạm Giang B tự nguyện kết hôn. Ngày 15/01/2010, cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyền số 01/2010. Chị H xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc Yên N, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/10/2019 bị đơn ông Phạm Giang B trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu, năm 2010 anh B và chị Mai Thị Bích H tự nguyện kết hôn. Ngày 15/1/2010, UBND phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyển số 01 - 2010 cho chị H và anh B. Trong quá trình chung sống vợ chồng không tránh khỏi chuyện cãi vã thường tình như bao cặp vợ chồng khác nhưng đó chỉ là những chuyện tranh cãi nhỏ nhặt, sau đó cuộc sống vợ chồng lại trở lại vui vẻ, bình thường. Nay chị H làm đơn ly hôn với anh B thì anh không đồng ý vì cho rằng anh B vẫn rất thương yêu vợ con và các cháu còn đang rất nhỏ nếu xảy ra việc ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển tâm lý của các cháu.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc Yên N, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015. Anh B không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung của vợ chồng như chị H trình bày thì anh B không có ý kiến và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:
 - Nguyên đơn chị Mai Thị Bích H khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Giang B đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh B là bị đơn trong vụ án.
 - Anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác

định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn chị H, bị đơn anh B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 01 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B tự nguyện kết hôn và ngày 15/01/2010, UBND phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/KH, quyền số 01/2010, đối chiếu các điều 9, điều 11 và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm nên đề nghị ly hôn với anh B. Anh B thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có cãi vã nhau nhưng là chuyện nhỏ nhặt và còn thương vợ, thương con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ song phương giữa hai bên, nay chị H khẳng định không còn tình cảm và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B nên chấp nhận.

- Về con chung: Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung gồm cháu Phạm Ngọc Yên N, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015 và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, trong các lý do không đồng ý ly hôn thì anh B cho rằng các con chung còn nhỏ nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của trẻ. Nhưng thực tế bị án và đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ công an thành phố Biên Hòa nên từ khi anh B đi thi hành án phạt tù thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Các cháu vẫn phát triển bình thường nên việc giao các con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp thực tế, đảm bảo quyền lợi của con chung. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, chị H xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B lại xác định không có ý kiến gì do không đồng ý ly hôn. Do đó, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Mai Thị Bích H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Bích H đối với bị đơn anh Phạm Giang B về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Chị Mai Thị Bích H, sinh năm 1991 được ly hôn với anh Phạm Giang B, sinh năm 1987.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Yến N, sinh ngày 25/6/2012; cháu Phạm Gia L, sinh ngày 05/8/2013; cháu Phạm Gia K, sinh ngày 01/10/2014; cháu Phạm Ngọc Y, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Mai Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Giang B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Mai Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000677 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị H đã nộp đủ án phí theo quy định.

Chị H và anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- UBND P. Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt